

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỔI TƯƠNG THỦ HƯỞNG

Mẫu số 09

Kèm theo Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi số: RDT2024/

ngày tháng 03 năm 2024

Mã hiệu:

và Giấy rút dự toán số: RDT2024/05/02 ngày 4 tháng 03 năm 2024

Số:

Tài khoản dự toán

Tài khoản tiền gửi:

- Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Trung học Phổ thông Tiểu La
- Mã đơn vị: 1009977

- Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: Tài khoản: 4203 201 002 939, mở tại NH Agribank huyện Thăng Bình

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Tiền lương và phụ cấp tháng 03 năm 2024

| TT | Họ và tên | Tài khoản ngân hàng | | Tổng số | Trong đó: | | | | | | Ghi chú | |
|-----|------------------------------|--------------------------|---------------------|-------------|-----------------------------|---|-------------------------|-------------|------------------------------|------------|---------|---------------|
| | | Số Tài khoản người hưởng | Tên ngân hàng | | Lương và phụ cấp theo lương | Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng | Tiền thu nhập tăng thêm | Tiền thưởng | Tiền phụ cấp và trợ cấp khác | Tiền khoản | | Tiền học bổng |
| (1) | Tổng số | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 1. | Đối với công chức, viên chức | | | 790.777.547 | 790.777.547 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 1 | Bùi Cao Vân | 4203215056419 | Agribank Thăng Bình | 14.895.518 | 14.895.518 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2 | Nguyễn Tấn Lương | 4203215005736 | Agribank Thăng Bình | 14.674.655 | 14.674.655 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | Nguyễn Việt Trung | 4203215045146 | Agribank Thăng Bình | 13.019.091 | 13.019.091 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 4 | Lê Văn Đức | 4203215040720 | Agribank Thăng Bình | 13.018.093 | 13.018.093 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 5 | Liên Thị Thu | 4203215030292 | Agribank Thăng Bình | 12.276.558 | 12.276.558 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 6 | Phan Thị Tình | 4203215029842 | Agribank Thăng Bình | 12.637.447 | 12.637.447 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 7 | Võ Thị Thúy Nga | 4203215040845 | Agribank Thăng Bình | 12.637.447 | 12.637.447 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 8 | Nguyễn Thị Dương | 4203215029518 | Agribank Thăng Bình | 11.575.291 | 11.575.291 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 9 | Phạm Thị Bích Nga | 4203215029553 | Agribank Thăng Bình | 1.976.400 | 1.976.400 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 10 | Nguyễn Thị Toàn | 4203215029603 | Agribank Thăng Bình | 8.580.211 | 8.580.211 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 11 | Nguyễn Thị Vân | 4203215029792 | Agribank Thăng Bình | 10.545.034 | 10.545.034 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 12 | Nguyễn Hữu Phúc | 4203205149303 | Agribank Thăng Bình | 11.425.468 | 11.425.468 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 13 | Hồ Trần Thị Bảo Chuyên | 4203215037358 | Agribank Thăng Bình | 8.698.136 | 8.698.136 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 14 | Ngô Thị Lành | 4203215008019 | Agribank Thăng Bình | 8.757.099 | 8.757.099 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 15 | Cao Thị Cúc | 4203215029807 | Agribank Thăng Bình | 10.684.224 | 10.684.224 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 16 | Trần Ngọc Nhò | 4203215029950 | Agribank Thăng Bình | 13.735.860 | 13.735.860 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 17 | Nguyễn Thị Oanh | 4210205045117 | Agribank Thăng Bình | 5.028.310 | 5.028.310 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 18 | Nguyễn Thị Thanh Cúc | 4203215029497 | Agribank Thăng Bình | 12.637.447 | 12.637.447 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |

(Đơn vị: Đồng)



Handwritten signature

| | | | | | |
|----|-----------------------|---------------|---------------------|------------|------------|
| 19 | Trương Thị Hương | 4203215029770 | Agribank Thăng Bình | 13.373.363 | 13.373.363 |
| 20 | Nguyễn Thị Thu Hà | 4203215029400 | Agribank Thăng Bình | 11.725.114 | 11.725.114 |
| 21 | Nguyễn Việt Quang | 4203215030313 | Agribank Thăng Bình | 11.575.291 | 11.575.291 |
| 22 | Huỳnh Văn Chung | 4203215029734 | Agribank Thăng Bình | 7.286.181 | 7.286.181 |
| 23 | Nguyễn Thị Nga | 4203205202550 | Agribank Thăng Bình | 12.637.447 | 12.637.447 |
| 24 | Thái Ngọc Đồi | 4203215030001 | Agribank Thăng Bình | 15.863.145 | 15.863.145 |
| 25 | Nguyễn Văn Phú | 4203215029395 | Agribank Thăng Bình | 13.187.602 | 13.187.602 |
| 26 | Phan Thị Phụng | 4203215029439 | Agribank Thăng Bình | 11.649.971 | 11.649.971 |
| 27 | Nguyễn Tiên Vinh | 4203215029649 | Agribank Thăng Bình | 11.575.291 | 11.575.291 |
| 28 | Nguyễn Thị Kim Nguyệt | 4203215003181 | Agribank Thăng Bình | 9.546.673 | 9.546.673 |
| 29 | Nguyễn Đức Hiền | 4203215045123 | Agribank Thăng Bình | 11.500.380 | 11.500.380 |
| 30 | Hồ Thị Hoài Hương | 4203215029705 | Agribank Thăng Bình | 11.948.688 | 11.948.688 |
| 31 | Mai Thị Trúc Hà | 4203215031208 | Agribank Thăng Bình | 8.580.211 | 8.580.211 |
| 32 | Hồ Thị Thu Thùy | 4203215029865 | Agribank Thăng Bình | 12.738.953 | 12.738.953 |
| 33 | Đình Văn Tú | 4203215030336 | Agribank Thăng Bình | 11.695.279 | 11.695.279 |
| 34 | Trương Minh Hà | 4203215030394 | Agribank Thăng Bình | 10.545.034 | 10.545.034 |
| 35 | Nguyễn Thông | 4203215007290 | Agribank Thăng Bình | 11.575.291 | 11.575.291 |
| 36 | Hoàng Thị Kim Thi | 4203215021892 | Agribank Thăng Bình | 9.546.673 | 9.546.673 |
| 37 | Nguyễn Thủy Diệu Ánh | 4203205302839 | Agribank Thăng Bình | 4.278.339 | 4.278.339 |
| 38 | Đỗ Quốc Thiên Trang | 4203215059554 | Agribank Thăng Bình | 6.193.170 | 6.193.170 |
| 39 | Vân Thị Bé | 4203215030024 | Agribank Thăng Bình | 12.637.447 | 12.637.447 |
| 40 | Phan Thị May | 4203215029915 | Agribank Thăng Bình | 13.119.599 | 13.119.599 |
| 41 | Trương Thị Hồng Minh | 4203215029921 | Agribank Thăng Bình | 12.557.219 | 12.557.219 |
| 42 | Trần Thị Thu Thảo | 4203215029871 | Agribank Thăng Bình | 11.575.291 | 11.575.291 |
| 43 | Đoàn Thị Kim Hoa | 4203215047930 | Agribank Thăng Bình | 7.752.939 | 7.752.939 |
| 44 | Nguyễn Ngọc Đinh | 4203215029389 | Agribank Thăng Bình | 8.639.174 | 8.639.174 |
| 45 | Phan Châu Niêm | 4203215030018 | Agribank Thăng Bình | 15.089.270 | 15.089.270 |
| 46 | Hồ Xuân Sơn | 4203215029967 | Agribank Thăng Bình | 11.948.688 | 11.948.688 |
| 47 | Vương Chí Sĩ | 4203215030359 | Agribank Thăng Bình | 13.097.219 | 13.097.219 |
| 48 | Nguyễn Tuy | 4203215030444 | Agribank Thăng Bình | 11.575.291 | 11.575.291 |
| 49 | Phan Thị Lệ Mỹ | 4203215057696 | Agribank Thăng Bình | 8.639.174 | 8.639.174 |
| 50 | Nguyễn Phúc Huỳnh | 4203215029690 | Agribank Thăng Bình | 15.351.647 | 15.351.647 |
| 51 | Lê Văn Hiền | 4203215030060 | Agribank Thăng Bình | 12.958.358 | 12.958.358 |
| 52 | Phan Văn Nghĩa | 4203215029626 | Agribank Thăng Bình | 11.948.688 | 11.948.688 |
| 53 | Đoàn Thị Phương | 4203215029451 | Agribank Thăng Bình | 11.575.291 | 11.575.291 |
| 54 | Trần Thị Ngọc Phương | 4203215029711 | Agribank Thăng Bình | 10.545.034 | 10.545.034 |
| 55 | Đỗ Thị Thuận | 4203215029501 | Agribank Thăng Bình | 11.575.291 | 11.575.291 |
| 56 | Dương Thị Như Trang | 4203215032115 | Agribank Thăng Bình | 10.086.673 | 10.086.673 |
| 57 | Lê Hồng Sa | 4203215030365 | Agribank Thăng Bình | 8.639.174 | 8.639.174 |
| 58 | Nguyễn Thị Thanh | 4203205263322 | Agribank Thăng Bình | 6.408.238 | 6.408.238 |
| 59 | Phan Thị Thanh Vân | 4203205023219 | Agribank Thăng Bình | 8.639.174 | 8.639.174 |
| 60 | Nguyễn Xuân Tỉnh | 4203215029372 | Agribank Thăng Bình | 8.580.211 | 8.580.211 |

100

100

100



100